SỞ Y TẾ THANH HÓA **TRUNG TÂM** **KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 412 /QĐ-KSBT	*Thanh Hóa, ngày 26 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023, được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15; Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, giám sát, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 365/QĐ-KSBT ngày 23/9/2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa về việc thành lập Hội đồng mua sắm thực hiện: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Hội đồng mua sắm tại Tờ trình số 2342/TTr-HĐMS ngày 26/10/2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát

bệnh tật tỉnh Thanh Hóa, với nội dung chi tiết tại phụ lục 1 và phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Hội đồng mua sắm (theo Quyết định số 365/QĐ-KSBT ngày 23/9/2026), Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Trưởng khoa Dược - VTYT và các khoa/phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Sở Y tế (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TTKSBT (để biết);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THANH HÓA
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Hoàng Bình Yên

Phụ lục 1

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

TT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa	314.840.400	Từ nguồn thu sự nghiệp của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		Không quá 30 ngày	Tháng 10/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định	12 tháng	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu				**314.840.400**								
Viết bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng./.												

Số: 412/QĐ-KSBT; 26/10/2026; 17:37:15

Phụ lục 2

Danh mục các mặt hàng của gói thầu: Mua vật tư tiêu hao, hóa chất, chất chuẩn, thuốc thử cho dịch vụ thử nghiệm các thông số chất lượng nước sạch trong 12 tháng (năm 2026-2027) tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-KSBT ngày tháng năm 2026 của Giám đốc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa)

Số phần	STT theo mặt hàng	Tên hàng hóa	Cấu hình kỹ thuật	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Trong đó	
											Năm 2026	Năm 2027
Phần 01	1	Cột phân tích cation IonPac CS12A	Cột sắc ký ion trao đổi cation Dionex IonPac CS12A; Kích thước: 4 × 250 mm; Vật liệu: carboxylic/Phosphonic acid; Cỡ hạt: 8.5 µm; Lưu lượng: 1-2 ml/phút; Phân tích: Li+, Na+, NH4+, K+, Mg2+, Ca2+; Áp suất tối đa: 4000 psi; Dùng cho Dionex ICS-6000	046073	Thermo Fisher Scientific	Không yêu cầu	Cái	1	79.982.100	79.982.100		**79.982.100**
Phần 02	2	Cột bảo vệ cation IonPac™ CG12A Guard Column	Kích thước: 4 × 50 mm; Chiều dài: 50 mm; Đường kính trong: 4 mm; Vật liệu pha tĩnh: carboxylic/Phosphonic acid; Cỡ hạt: 8.5 µm; Dung lượng tương thích CS12A; Áp suất tối đa: 4000 psi; Dùng cho IonPac CS12A 4x250 mm (P/N 046073); Dùng cho Dionex ICS-6000	046074	Thermo Fisher Scientific	Không yêu cầu	Cái	1	26.522.100	26.522.100		**26.522.100**

Số phần	STT theo mặt hàng	Tên hàng hóa	Cấu hình kỹ thuật	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Trong đó	
											Năm 2026	Năm 2027
Phần 03	3	Bộ triệt nền anion NGES-A	Đường kính hệ cột: 4 mm; Dung lượng: 200 µeq/min; Lưu lượng tối đa: 3.0 ml/min; Áp suất ngược tối đa: 500 psi; Thể tích chết: < 50 µl; Chế độ vận hành: Recycle Mode, External Water Mode (EWM); Dải nhiệt: 15 - 50 °C; Pha động: KOH, Carbonate/Bicarbonate, Borate eluents; Kích thước: 10.7 × 4.5 × 4.7 cm; Khối lượng: 455 - 465 g; Dùng cho Dionex ICS-6000	060001	Thermo Fisher Scientific	Không yêu cầu	Cái	1	74.547.000	74.547.000		**74.547.000**
Phần 04	4	Bộ loại tạp pha động anion CR-TC	Đường kính tương thích: 04 mm; Áp suất làm việc: Tương thích với hệ IC cao áp Dionex ICS-6000; Công nghệ: Tái sinh liên tục bằng điện hóa (Continuously Regenerated); Vị trí lắp: sau bộ tạo pha động EGC; Dùng cho Dionex ICS-6000	088662	Thermo Fisher Scientific	Không yêu cầu	Cái	1	80.843.400	80.843.400		**80.843.400**

Số phần	STT theo mặt hàng	Tên hàng hóa	Cấu hình kỹ thuật	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Trong đó	
											Năm 2026	Năm 2027
Phần 05	5	Thuốc thử Colilert-18	Tối thiểu có các thành phần: Chỉ thị dinh dưỡng Ortho-nitrophenyl-β-D-galactopyranoside (ONPG) và 4-methylumbelliferyl-β-D-glucuronide (MUG)	98-08877-00	IDEXX	Không yêu cầu	Test	200	180.000	36.000.000	**36.000.000**	
Phần 06		Hóa chất dùng cho phân tích chỉ tiêu Hg								5.005.800		
	6	Dung dịch chuẩn Thủy ngân (Hg) 1000 mg/L	Thông số kỹ thuật cơ bản:Nồng độ danh định: 1000 mg/L Hg trong acid nitric (HNO_3); nồng độ được chứng nhận trong khoảng (995,0–1005,0) mg/L; có giá trị chứng nhận và độ không đảm bảo đo ghi trên Certificate/COA của nhà sản xuất.	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	ml	100	5.940	594.000	**594.000**	

Số phần	STT theo mặt hàng	Tên hàng hóa	Cấu hình kỹ thuật	Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Trong đó	
											Năm 2026	Năm 2027
	7	Dung dịch chuẩn Vàng (Au) 1000 mg/L	Thông số kỹ thuật cơ bản:Nồng độ danh định: 1000 mg/L Au trong acid chlorhydric (HCl); nồng độ được chứng nhận trong khoảng (995,0–1005,0) mg/L; có giá trị chứng nhận và độ không đảm bảo đo ghi trên Certificate/COA của nhà sản xuất.	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	ml	100	44.118	4.411.800	**4.411.800**	
Phần 07	8	Dung dịch chuẩn Nitrite (NO_2^-) 1000 mg/L	Thông số kỹ thuật cơ bản:Nồng độ danh định: 1000 mg/L NO_2^-; nồng độ được chứng nhận trong khoảng (995,0–1005,0) mg/L; có giá trị chứng nhận và độ không đảm bảo đo ghi trên Certificate/COA của nhà sản xuất.	Không yêu cầu	Không yêu cầu	Không yêu cầu	ml	500	23.880	11.940.000	**11.940.000**	
Tổng cộng: 08 mặt hàng tương ứng 07 phần										**314.840.400**	**52.945.800**	**261.894.600**
Viết bằng chữ: Ba trăm mười bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn bốn trăm đồng./.												